

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 10 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	778	814	36	12.870	463.320	
102	8	819	839	20	12.870	257.400	
103	7	557	580	23	12.870	296.010	
104	8	521	544	23	12.870	296.010	
105	8	489	504	15	12.870	193.050	
106	8	493	499	6	12.870	77.220	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	654	685	31	12.870	398.970	
110	8	314	328	14	12.870	180.180	
111	8	513	524	11	12.870	141.570	
112	8	768	784	16	12.870	205.920	
113	5	561	587	26	12.870	334.620	
114	8	529	552	23	12.870	296.010	
201	8	681	701	20	12.870	257.400	
202	8	500	519	19	12.870	244.530	
203	8	1219	1243	24	12.870	308.880	
204	8	672	698	26	12.870	334.620	
205	8	883	914	31	12.870	398.970	
206	8	762	777	15	12.870	193.050	
207	7	1135	1154	19	12.870	244.530	
208	8	857	878	21	12.870	270.270	
209	8	1014	1039	25	12.870	321.750	
210	8	1028	1049	21	12.870	270.270	
211	8	1300	1317	17	12.870	218.790	
212	8	775	798	23	12.870	296.010	
213	8	859	874	15	12.870	193.050	
214	8	854	873	19	12.870	244.530	
301	7	796	814	18	12.870	231.660	
302	8	816	843	27	12.870	347.490	
303	8	964	992	28	12.870	360.360	
304	8	695	723	28	12.870	360.360	
305	8	681	708	27	12.870	347.490	
306	8	867	891	24	12.870	308.880	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	715	737	22	12.870	283.140	
310	8	741	757	16	12.870	205.920	

311	8	652	699	47	12.870	604.890
312	8	666	685	19	12.870	244.530
313	8	682	701	19	12.870	244.530
314	8	817	835	18	12.870	231.660
401	8	783	797	14	12.870	180.180
402	8	713	728	15	12.870	193.050
403	8	850	869	19	12.870	244.530
404	8	661	681	20	12.870	257.400
405	8	453	456	3	12.870	38.610
406	8	541	557	16	12.870	205.920
407	8	634	645	11	12.870	141.570
408	8	682	694	12	12.870	154.440
409	8	431	444	13	12.870	167.310
410	8	513	538	25	12.870	321.750
411	8	473	497	24	12.870	308.880
412	8	441	460	19	12.870	244.530
413	8	610	632	22	12.870	283.140
414	8	400	412	12	12.870	154.440
501	8	548	562	14	12.870	180.180
502	8	383	400	17	12.870	218.790
503	8	380	390	10	12.870	128.700
504	8	429	429	0	12.870	0
505	8	438	446	8	12.870	102.960
506	8	451	452	1	12.870	12.870
507	7	287	302	15	12.870	193.050
508	8	247	270	23	12.870	296.010
509	8	479	495	16	12.870	205.920
510	8	271	280	9	12.870	115.830
511	6	284	305	21	12.870	270.270
512	8	375	383	8	12.870	102.960
513	8	295	307	12	12.870	154.440
514	7	446	457	11	12.870	141.570
Cộng	518			1.222		15.727.140

(Bằng chữ: Mười năm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà